

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72 /NQ-HĐND

Thị xã Quảng Trị, ngày 02 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 (đợt 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị Quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND thị xã Quảng Trị về Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách do thị xã quản lý năm 2022;

Xét Tờ trình số 1335/TTr-UBND ngày 11/10/2022 của UBND thị xã về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 đợt 1; Báo cáo thẩm tra số 161/BC-BKTXH ngày 31/10/2022 của Ban KT-XH Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (đợt 1), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Về điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu vốn:

a, Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 39.750 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn thanh lý tài sản: 20.000 triệu đồng (từ 20.000 triệu đồng xuống 0 đồng).

- Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất: 19.750 triệu đồng (từ 61.750 triệu đồng xuống 42.000 triệu đồng).

b, Bổ sung nguồn vốn nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2021 cho một số công trình dự án năm 2022: 3.233 triệu đồng để bù đắp nguồn hụt thu đầu tư công năm 2022.

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn một số công trình, hạng mục dự án:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 15 công trình, hạng mục dự án: 36.517 triệu đồng (từ 52.050 triệu đồng xuống 15.893 triệu đồng).

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2022 từ 87.776 triệu đồng xuống còn: 51.259 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 6.202 triệu đồng
- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 42.000 triệu đồng
- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2021: 3.233 triệu đồng

(Kèm theo phụ lục chi tiết 01, 02)

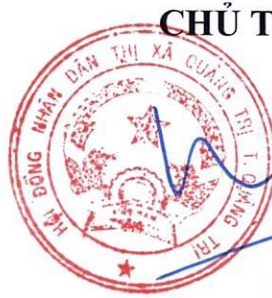
Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND thị xã tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, Các ban HĐND thị xã, Các tổ đại biểu và Đại biểu HĐND thị xã giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND thị xã khóa VII, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 01/11/2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTV Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- UBND thị xã;
- UBMTTQ thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan liên quan thị xã;
- TT HĐND và UBND phường, xã;
- Trang thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, LT.



CHỦ TỊCH

Văn Ngọc Lâm

KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SAU ĐIỀU CHỈNH ĐỢT 1 NĂM 2022

Kèm theo Nghị Quyết số: **72** /NQ-HĐND ngày **02** tháng **11** năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Quảng Trị

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch phân bổ năm 2022				Kế hoạch vốn Tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh bổ sung				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Trong đó			
			XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Tăng thu, tiết kiệm chi 2021		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	
	TỔNG CỘNG:	87.776	6.026	61.750	20.000	-36.517	0	-19.750	-20.000	3.233	51.259	6.026	42.000	-	3.233
A	Chuyển tiếp	42.090	-	30.090	12.000	-17.867	0	-8.000	-12.000	2.133	24.223	-	22.090	-	2.133
I	Chuyển tiếp hoàn thành 2022	11.590	-	5.590	6.000	-8.900	0	-3.000	-6.000	100	2.690	-	2.590	-	100
1	Hạ tầng cụm Công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 1); Hạ tầng: san lấp mặt bằng, công chính vào cụm công nghiệp, hệ thống điện chiếu sáng;	500			500	0		500	-500		500	-	500	-	
2	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị	7.000		4.000	3.000	-7.000		-4.000	-3.000		-	-	-	-	
3	San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ	2.000		500	1.500	-1.000		500	-1.500		1.000	-	1.000	-	
4	Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị; hạng mục: Khu cát táng di dời lăng mộ Khu đô thị Bắc Thành Cổ	2.000		1.000	1.000	-1.000			-1.000		1.000	-	1.000	-	
5	Kênh tiêu Như Lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	90		90		0					90	-	90	-	
6	Vĩa hè đường Hai Ba Trưng đoạn qua trường THPT thị xã Quảng Trị, Phường 3, Trường PTDT Nội Trú, Di tích lịch sử Trường Bồ Đề					100				100	100	-	-	-	100
II	Chuyển tiếp 2021	30.500	-	24.500	6.000	-8.967	0	-5.000	-6.000	2.033	21.533	-	19.500	-	2.033
1	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	18.000		18.000		0					18.000	-	18.000	-	
2	Đường giao thông Khu phố 1, Khu phố 3, Phường An Đôn	2.500		1.500	1.000	-1.500		-500	-1.000		1.000	-	1.000	-	
3	Trung tâm hành chính thị xã (GD 1); Hạng mục: Nhà làm việc 5 tầng	10.000		5.000	5.000	-7.467		-4.500	-5.000	2.033	2.533	-	500	-	2.033

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch phân bổ năm 2022				Kế hoạch vốn Tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh bổ sung					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Trong đó				
			XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tình hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tình hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Tăng thu, tiết kiệm chi 2021		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tình hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Tăng thu, tiết kiệm chi 2021	
B	Công trình khôi công mới	35.371	4.151	23.350	7.870	-19.020	0	-12.250	-7.870	1.100	16.351	4.151	11.100	-	1.100	
I	Thị xã làm chủ đầu tư	30.000	850	22.250	6.900	-18.690	0	-12.190	-6.900	400	11.310	850	10.060	-	400	
1	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	3.100		3.100		-3.100		-3.100			-	-	-	-		
2	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	2.500		1.500	1.000	-2.500		-1.500	-1.000		-	-	-	-		
3	Khu dân cư Lương thực huyện Triệu Hải cũ (Giai đoạn 3), hạng mục: Đường giao thông; Hệ thống thoát nước; San mặt bằng, phân lô và cắm mốc phân lô; hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước.	1.200		1.200		0					1.200	-	1.200	-		
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	3.950		2.450	1.500	-1.500			-1.500		2.450	-	2.450	-		
5	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Quốc Toản	2.000		2.000		0					2.000	-	2.000	-		
6	Trụ sở Thị ủy; Hạng mục: Cải tạo Hội trường	1.000	500	500		0					1.000	500	500	-		
7	Bãi rác thị xã (giai đoạn 2).	2.500		1.500	1.000	-2.090		-1.090	-1.000		410	-	410	-		
8	Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 2).	6.000		4.000	2.000	-5.000		-3.000	-2.000		1.000	-	1.000	-		
9	Hệ thống thu gom nước thải thị xã Quảng Trị - Tuyến cấp 2.	4.000		3.500	500	-1.500		-1.000	-500		2.500	-	2.500	-		
10	Chỉnh trang, mở rộng khu vực Nhà hành lễ Bến thả hoa bờ nam sông Thạch Hãn đoạn từ Chợ thị xã đến cầu Thành Cổ (giai đoạn 1).	3.000		2.500	500	-3.000		-2.500	-500		-	-	-	-		
11	Chợ thị xã Quảng Trị, hạng mục: Nâng cấp đường vào công phụ, sân chợ, nạo vét rãnh và các hạng mục phụ trợ.	750	350		400	0			-400	400	750	350	-	-	400	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch phân bổ năm 2022				Kế hoạch vốn Tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh bổ sung				Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Trong đó				
			XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Tăng thu, tiết kiệm chi 2021		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		Tăng thu, tiết kiệm chi 2021
II	PHƯỜNG, XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	5.371	3.301	1.100	970	-330	0	-60	-970	700	5.041	3.301	1.040	-	700	
a	Đường gom dọc đường sắt từ khu phố 1 đến khu phố 2 - phường 1	1.100		1.100		-330		-330			770	-	770	-		Nguồn vốn khai thác quỹ đất phân cấp phường quản lý
b	Chống úng cục bộ các phường xã	1.718	1.018	-	700	0	0	0	-700	700	1.718	1.018	-	-	700	
1	Chống úng cục bộ tổ 2, tổ 3, khu phố 1, Phường 1	500	200		300	0			-300	300	500	200	-	-	300	
2	Chống úng kiệt 63 đường Phan Đình Phùng, Phường 2	600	200		400	0			-400	400	600	200	-	-	400	
3	Chống úng cục bộ Kiệt 25, 78 đường Trần Hưng Đạo	333	333			0					333	333	-	-		
4	Chống úng cục bộ khu dân cư khu phố 1, phường An Đôn	285	285			0					285	285	-	-		
c	Bê tông giai thông nội phường	1.273	1.273	-	-	0	0	0	0	0	1.273	1.273	-	-	-	Ngân sách đối ứng với phần đóng góp của nhân dân
1	Bê tông giao thông nội phường - phường 1	218	218			0					218	218	-	-		
2	Bê tông giao thông nội phường - phường 2	177	177			0					177	177	-	-		
3	Bê tông giao thông nội phường - phường 3	135	135			0					135	135	-	-		
4	Bê tông hóa giao thông nội phường An Đôn	143	143			0					143	143	-	-		
5	Bê tông giao thông xã Hải Lệ (Nông thôn mới)	600	600			0					600	600	-	-		
d	Điện chiếu sáng hẻm kiệt	1.280	1.010	-	270	0	0	270	-270	0	1.280	1.010	270	-	-	Ngân sách đối ứng với phần đóng góp của nhân dân

TT	Dan h mục dự án	Kế hoạch phân bổ năm 2022				Kế hoạch vốn Tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh bổ sung					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Trong đó				
			XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Tăng thu, tiết kiệm chi 2021		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Tăng thu, tiết kiệm chi 2021	
1	Điện chiếu sáng hẻm kiệt - phường 1	125	125			0					125	125	-	-		
2	Điện chiếu sáng hẻm kiệt - phường 2	149	149			0					149	149	-	-		
3	Điện chiếu sáng hẻm kiệt - phường 3	263	263			0					263	263	-	-		
4	Điện chiếu sáng hẻm kiệt phường An Đôn	173	173			0					173	173	-	-		
5	Điện chiếu sáng xã Hải Lệ	570	300		270	0		270	-270		570	300	270	-		
C	Giải phóng mặt bằng một số dự án	1.000		1.000		3.000		3.000			4.000	-	4.000	-		
D	Khoa học công nghệ	1.600	1.600	-	-	0					1.600	1.600	-	-		
1	Phần mềm giao việc	60	60			0					60	60	-	-		
2	Đề án chính quyền điện tử, hạng mục: phòng họp không giấy	1.026	1.026			0					1.026	1.026	-	-		
3	Hỗ trợ dịch vụ công, duy trì trang thông tin điện tử,	514	514			0					514	514	-	-		
E	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc chính lý bản đồ	6.500		6.500		-2.500		-2.500			4.000	-	4.000	-	Phân bổ theo nhu cầu và đề xuất của các đơn vị	
F	Lĩnh vực kinh tế	1.215	275	810	130	-130	0	0	-130	0	1.085	275	810	-		
1	Kinh phí phục vụ đấu giá đất, tài sản	1.215	275	810	130	-130			-130		1.085	275	810	-		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 (đợt 1)

Kèm theo Nghị Quyết số: **72** /NQ-HĐND ngày **02** tháng **11** năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thị xã Quảng Trị

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch phân bổ năm 2022	Điều chỉnh giảm đợt 1	Kế hoạch sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh giảm
				Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG CỘNG:				384.283	52.050	36.517	15.893	
I	Công trình có vốn đối ứng với NS TW, Tỉnh				304.139	12.600	12.600	-	
1	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị	2018-2022	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	275/QĐ-UBND ngày 06/02/2018	119.679	7.000	7.000	-	Để giải ngân hết nguồn bổ trợ của tỉnh năm 2022: 14 tỷ
2	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	2022-2025	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	108/QĐ-UBND ngày 12/05/2021	140.000	3.100	3.100		Tranh thủ nguồn hỗ trợ của NSTW
3	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	2022-2024	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	1138/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	44.460	2.500	2.500		Để giải ngân hết nguồn bổ trợ của tỉnh năm 2022: 7 tỷ
II	Công trình sử dụng nguồn NS Thị xã				80.144	39.450	23.917	15.893	
a	Công trình chuyển tiếp				15.399	4.500	2.500	2.000	
4	Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị; hạng mục: Khu cát táng di dời lăng mộ Khu đô thị Bắc Thành Cổ	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	611/QĐ-UBND ngày 09/07/2021	5.000	2.000	1.000	1.000	Đang vướng mắc về vận chuyển đất ra khỏi công trình
5	Đường giao thông Khu phố 1, Khu phố 3, Phường An Đôn	2021-2023	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	366/QĐ-UBND ngày 26/04/2021	10.399	2.500	1.500	1.000	
b	Công trình khởi công mới				64.745	34.950	21.417	13.893	
6	San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	1334/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	3.000	2.000	1.000	1.000	Chưa GPMB
7	Trung tâm hành chính thị xã (GD 1); Hạng mục: Nhà làm việc 5 tầng	2021-2023	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	110/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	20.145	10.000	7.467	2.533	Đang điều chỉnh chủ trương đầu tư
8	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	2022-2024	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	1323/QĐ-UBND ngày 15/12/2021, và 523/QĐ-UBND ngày 20/05/2022	9.600	3.950	1.500	2.450	
9	Bãi rác thị xã (giai đoạn 2).	2022- 2023	Trung tâm phát triển cụm CN và dịch vụ công ích	524/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	5.000	2.500	2.090	410	

10	Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 2).	2022 - 2024	Trung tâm phát triển cụm CN và dịch vụ công ích	380/QĐ-UBND ngày 25/04/2022	15.000	6.000	5.000	1.000	Chưa chuyển đổi đất rừng
11	Hệ thống thu gom nước thải thị xã Quảng Trị - Tuyến cấp 2.	2022-2024	Phòng QLĐT	269/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	12.000	4.000	1.500	2.500	
12	Vĩa hè đường Hai Ba Trung đoạn qua trường THPT thị xã Quảng Trị, Phường 3, Trường PTDT Nội Trú, Di tích lịch sử Trường Bồ Đề	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	322/QĐ-UBND 09/4/2021	700	700	(100)	800	Tăng 100 triệu đồng
13	Đường gom dọc đường sắt từ khu phố 1 đến khu phố 2 - phường 1	2022	UBND Phường 1	383/QĐ-UBND 26/4/2021	1.100	1.100	330	770	
14	Kinh phí phục vụ đấu giá đất, tài sản	2022	Các cơ quan đơn vị		1.215	1.215	130	1.085	
15	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý bản đồ	2022	Các cơ quan đơn vị			6.500	2.500	4.000	

